

Bản án số: 800/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 11/9/2019.

*V/v “T/c chia tài sản chung của
vợ chồng trong thời kì hôn nhân
và t/c hợp đồng thế chấp”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16/11/2018 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân và tranh chấp hợp đồng thế chấp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1010/2018/HNGĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3828/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Huỳnh Quang T**, sinh năm: 1937.

Địa chỉ: 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M3, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Ngọc M1**, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thế Th, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 03 Đường số A, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Huỳnh Hoàng M2**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Hoàng M2: Bà Nguyễn Thị Trúc M3, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H.

- **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H.**

Trụ sở: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H: Bà Lê Thị Th1, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 519 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty TNHH K**

Trụ sở: 587C Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K: Ông Huỳnh Quang Ng, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 194 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M1, Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Huỳnh Quang T (có bà Nguyễn Thị Trúc M3 là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Tháng 6/1986 ông và bà Nguyễn Thị Ngọc M1 (viết tắt là bà M1) về chung sống với nhau tại căn nhà 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, do cha mẹ của bà M1 qua đời để lại. Đây là nhà cấp 4, với mái ngói, vách một phần gỗ, lá, phiro xi măng, một phần gạch (phần gạch chưa tô xi măng), nền xi măng. Qua quá trình sử dụng nhà đã xuống cấp, hư hỏng; nơi đây lại là vùng ngập nước triều miền mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 1 tuần lễ. Vì vậy, vào ngày 02/11/1993 ông đã đập phá bỏ nhà cũ và bỏ tiền ra xây lại một căn nhà hoàn toàn mới, cấp 3 với mái tole, vách

gạch và gác lửng bằng gỗ để gia đình cùng chung sống (ông phải bán 5,5 lượng vàng để trả tiền xây nhà gồm tiền mua vật liệu và công thợ). Năm 1998 do nhà ngập nước thường xuyên nên phải nâng nền lát lại gạch men (chi phí khoảng 55 triệu đồng để mua vật liệu và công thợ). Năm 2002 tiếp tục bị ngập nước vì triều cường nên ông phải nâng nền lát lại gạch hết 34 triệu đồng. Năm 2005 vì nhu cầu nói rộng diện tích xây nhà bếp, nhà vệ sinh... nên ông bỏ chi phí sửa chữa hết 66 triệu đồng. Đầu năm 2011 nhà bị lún làm nứt tường ở phía sau, nên ông phải đập tường xây lại, xây thêm hai bức vách phía sau nhà, xây lại nhà bếp, làm thêm phần gác cho nhà phụ cạnh bên, sửa lại phần gác của nhà chính, xây thêm phòng khách, lát gạch nâng nền lại toàn bộ nhà để chống ngập, xây hàng rào lát gạch sân... (tổng cộng tiền công và vật liệu hết 250 triệu đồng), việc thực hiện sửa chữa còn thiếu 50 triệu đồng nên ông phải vay mượn bạn là chị Đặng Kiên Anh và con ông là Huỳnh Hoàng M2 (viết tắt là Hoàng M2) đã lấy tiền đi vay kèm hàng tháng để cùng trả khoản nợ này. Trong suốt thời gian sống chung, bà M1 đã thỏa thuận nhà, đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng. Năm 2010 dưới sự chứng kiến của bà con và bạn bè của bà M1, bà M1 đã viết giấy cam kết xác định tài sản nhà đất nêu trên là của ba người gồm ông T, bà M1 và con gái Hoàng M2 có sự chứng kiến và ký xác nhận của bà Cao Thị H - Tổ trưởng tổ dân phố 18, Phường 15 và ông Nguyễn Hữu R - Trưởng ban Đại diện khu phố 2, Phường 15, Quận 8 là người bạn rất thân của bà M1 nắm rõ sự việc này. Hai người làm chứng cho sự việc nêu trên vì nhà chưa làm được sổ hồng nên chưa ra công chứng. Sau đó, bà M1 đã âm thầm xin hợp thức hóa nhà đất trong thời gian ông vắng mặt vì phải về quê Quảng Ngãi tu sửa mồ mả cho ông bà cha mẹ. Đồng thời, bà M1 cũng tự ý mang đi thế chấp cho Ngân hàng Đại Á không có sự đồng ý của ông trong lúc ông không có ở nhà và con gái ông cũng không hề biết việc này.

Để đảm bảo quyền lợi cho ông và Hoàng M2, nên ông khởi kiện yêu cầu công nhận nhà, đất nêu trên là tài sản chung của ông, bà M1, con gái Hoàng M2 và phân chia tài sản nêu trên cho ông, bà M1 và con gái Hoàng M2 theo thỏa thuận mỗi người được 1/3 phần bằng nhau.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc M1 (có ông Nguyễn Thế Th là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Căn nhà 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, Phường 15, Quận 8, Thành phố H do cha mẹ của bà qua đời và để lại (cha tên Nguyễn Ngọc T2 chết năm 1983 và mẹ tên Lê Thị Nh chết năm 1991). Cha mẹ bà đã xây dựng nên từ năm 1948. Đây là nhà cấp 4, với mái ngói, vách một phần gỗ, lá, phirô xi măng, một phần gạch (phần gạch chưa tô xi măng), nền xi măng. Qua quá trình sử dụng nhà đã xuống cấp, hư hỏng, nơi đây lại là vùng ngập nước triền miên mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 1 tuần lễ, nhưng do cha mẹ bà già yếu ốm đau bệnh hoạn triền miên, không có điều kiện tu sửa, xây dựng mặc dù nhà đã bị hư hỏng và xiêu vẹo. Năm 1986, bà đã lập gia đình và chồng bà là ông Huỳnh Quang T (viết

tất là ông T) về cùng chung sống tại căn nhà này. Do hoàn cảnh và điều kiện sống cần phải tu sửa nên ông T đã bỏ tiền ra xây mới lại nhà và đã tu sửa nhiều lần. Trong suốt thời gian sống chung bản thân bà cũng đồng ý thỏa thuận nhà, đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng và ngày 29/7/2010 bà viết “Giấy cam kết tự thỏa thuận” đồng ý sáp nhập tài sản nêu trên thành tài sản chung của ông T, bà và con là Hoàng M2. Nhưng đến khi làm giấy tờ nhà, do bà bận công việc nên phải nhờ người quen làm giúp việc xin hợp thức hóa nhà đất, trong lúc đó ông T phải về quê xây mộ cho ông bà ở tận Quảng Ngãi, vì đường xa xa xôi việc đi lại khó khăn...nên bà không thông báo cho ông T biết. Bên cạnh đó người giúp cho bà không thể chờ đợi lâu hơn và tư vấn cho bà là M1 một xong rồi sẽ điều chỉnh sau cũng được không khó khăn gì. Nên bà đã tiến hành xin hợp thức hóa nhà đất mà không có mặt ông T.

Khi cầm được quyển sổ công nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà chưa được 01 ngày thì bà đã cho ông Huỳnh Quang Ng mang đi thế chấp cho Ngân hàng Đại Á, vì lúc đó ông Ng đang gặp khó khăn vô cùng, bản thân bà chỉ nghĩ đó là sự tạm thời, chưa nghĩ ra sự việc nghiêm trọng như ngày hôm nay. Bà xác nhận việc trình bày của ông T là đúng sự thật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Hoàng M2 (có bà Nguyễn Thị Trúc M3 là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Căn nhà 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ông bà ngoại bà Huỳnh Hoàng M2 qua đời để lại. Qua quá trình sử dụng nhà đã xuống cấp, hư hỏng, vì vậy cha bà là ông T đã bỏ tiền ra để tu sửa nhiều lần... Đầu năm 2011 nhà bị lún làm nứt tường ở phía sau nhà trầm trọng nên ông T phải đập tường xây lại, xây thêm hai bức vách phía sau nhà, xây lại nhà bếp, làm thêm phần gác cho nhà phụ cạnh bên, sửa lại phần gác của nhà chính, xây thêm phòng khách, lát gạch nâng nền lại toàn bộ nhà để chống ngập, xây hàng rào lát gạch sân... (tổng cộng tiền công và vật liệu hết 250 triệu đồng). Việc thực hiện sửa chữa thiếu 50 triệu đồng nên ông T phải vay của bà Đặng Kiêm Anh, do đó bản thân bà đã lấy tiền đi dạy kèm hàng tháng đóng góp phụ với ông T mỗi tháng 1.500.000 đồng để trả vào khoản nợ này. Để tránh rắc rối từ phía các cậu và bà con trong gia đình của mẹ tôi nên năm 2010 gia đình đã họp bàn và ký giấy cam kết tự thỏa thuận nhà, đất nêu trên là của ông T, bà M2 và bà (có hai người làm chứng). Đến năm 2011, bà đã đủ tuổi thành niên nhưng bà M2 đã âm thầm xin hợp thức hóa nhà đất trong thời gian ông T vắng mặt vì phải về quê Quảng Ngãi tu sửa mồ mả cho ông bà nội và bà M1 cũng tự ý mang đi thế chấp cho Ngân hàng Đại Á không có sự đồng ý của ông T và bản thân bà.

Để đảm bảo quyền lợi bà và ông T năm nay đã 81 tuổi, nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án công nhận nhà, đất nêu trên là tài sản chung của ông T, bà M1 và bà, phân chia theo thỏa thuận mỗi người được 1/3 phần bằng nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (có bà Lê Thị Th1 là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 29/8/2011, Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty) có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Gia Định (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á - Chi nhánh TP.HCM), chi tiết như sau:

- HĐTD số : HM11/0015/AC ngày 29/8/2011, giải ngân theo Giấy nhận nợ số: 02/2012- HM11/0015/AC ngày 07/3/2012.
- Số tiền vay : 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay : 06 tháng (từ 07/3/2012 đến 07/9/2012)
- Phương thức : Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.
- Mục đích : Bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất vay : 20,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần (theo từng giấy nhận nợ).
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Biện pháp bảo đảm:

+ Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, phường 15, Quận 8, TP. HCM theo GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CHO1483 do UBND Quận 8 cấp ngày 13/8/2011, đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc M1 (tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 tại phòng công chứng Tân Bình và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/8/2011).

+ Giấy cam kết trả nợ thay của ông Huỳnh Quang Ng và bà Cao Thị Trúc Linh lập ngày 29/6/2011.

Trong quá trình vay, từ ngày 07/3/2012 đến nay Công ty chỉ trả được số tiền lãi là 109.413.056 đồng. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 08/9/2012 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, Phường 15, Quận 8, Thành phố H đã được công chứng và được đăng ký giao dịch đảm bảo hợp pháp cho khoản vay của Công ty nên giá trị tài sản thế chấp phải được ưu tiên thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng (gồm: vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 27/02/2017 là 2.815.041.667 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 28/02/2017 đến ngày trả dứt nợ gốc.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ký ngày 29/8/2011 tại phòng công chứng Tân Bình và đã

đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/8/2011. Trường hợp bên nào được Tòa án xác định có lỗi trong việc làm mất toàn bộ hoặc một phần giá trị pháp lý của hợp đồng thế chấp nêu trên thì có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi của Công ty tại Ngân hàng trước khi giải chấp các tài sản đảm bảo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH K (có ông Huỳnh Quang Ng là người đại diện theo pháp luật) trình bày:

Công ty xác nhận việc vay tiền theo trình bày của Ngân hàng là đúng sự thật. Do công việc kinh doanh không được thuận lợi nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Phía Công ty đề nghị cho thêm thời gian để bán tài sản khác trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Chứng thư thẩm định giá số 0850418/CT-TV ngày 03/5/2018 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng, kết luận: Giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.039.809.000 đồng, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 3.795.170.459 đồng và giá trị công trình xây dựng trên đất là 244.638.660 đồng.

Tại Bản án số 1010/2018/HNGĐ-ST ngày 11/10/2018 Tòa án nhân dân Quận 8, đã quyết định:

“1. Xác định quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại địa chỉ 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Huỳnh Quang T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1.

2. Công nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại địa chỉ 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Ngọc M1 và bà Huỳnh Hoàng M2, mỗi người được 1/3 phần bằng nhau.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ký ngày 29/8/2011 tại Phòng công chứng Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/8/2011 vô hiệu một phần đối với phần tài sản của ông Huỳnh Quang T và bà Huỳnh Hoàng M2. Phần tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc M1 thế chấp theo hợp đồng này có hiệu lực pháp luật...”

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định giá, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 15/10/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc M1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, phường 15, quận 8, Thành phố H là tài sản chung hợp nhất chứ không phải là tài sản chung theo

phần, nên đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 vô hiệu toàn bộ.

Ngày 15/10/2018, Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Hợp đồng thế chấp số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, công nhận toàn bộ giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Ngày 08/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 60/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2018 của ông T là không đúng quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 200, điểm b khoản 4 Điều 210 BLTTDS năm 2015;

- Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có mâu thuẫn và trái với quy định của pháp luật hiện hành;

- Bản án sơ thẩm công nhận nhà, đất nêu trên cho bà M1, ông T và bà Hoàng M2, mỗi người được 1/3 bằng nhau là trái quy định của pháp luật vì căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO1483 ngày 13/8/2011 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp thì bà M1 là chủ sở hữu hợp pháp của nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, phường 15, quận 8, Thành phố H. Bà M1 xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, như vậy nhà, đất nêu trên là tài sản chung hợp nhất của bà M1 và ông T. Tuy nhiên ngày 29/7/2010, bà M1, ông T và bà Hoàng M2 cùng ký “Giấy cam kết tự thỏa thuận” xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và con là mâu thuẫn với việc xác định tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Đây cũng không phải tài sản chung theo phần để có thể phân chia, xác định phần sở hữu theo đóng góp của từng người. Việc thỏa thuận này được lập khi căn nhà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, nên vô hiệu tại thời điểm xác lập.

- Bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp số AC11/0015/HĐĐB ký ngày 29/8/2011 là gây thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng vì trong hồ sơ tín dụng có “Giấy cam kết” ngày 26/8/2011 có nội dung ông T cam kết đây là tài sản riêng của bà M1, nên việc bản án sơ thẩm cho rằng Ngân hàng không thẩm định rõ quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M1 là không có căn cứ.

- Bản án sơ thẩm công nhận việc chia tài sản chung của vợ chồng là trái với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình, vì việc thỏa thuận chia tài sản là vô hiệu nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Ông Huỳnh Quang T, bà Huỳnh Hoàng M2 (có bà Nguyễn Thị Trúc M3 đại diện theo ủy quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bà Nguyễn Thị Ngọc M1 (có ông Nguyễn Thế Th đại diện theo ủy quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Công ty TNHH K (có ông Huỳnh Quang Ng đại diện theo pháp luật) có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (có bà Lê Thị Th1 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị đúng thời hạn luật định, nên đề nghị chấp nhận.

- Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung kháng cáo của bà M1: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M1 vì “Giấy cam kết tự thỏa thuận” ngày 29/7/2010 xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và con là mâu thuẫn với việc xác định tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Đây cũng không phải tài sản chung theo phần để có thể phân chia, xác định phần sở hữu theo đóng góp của từng người. Việc thỏa thuận này được lập khi căn nhà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, nên cũng vô hiệu tại thời điểm xác lập.

- Về nội dung kháng cáo của Ngân hàng: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng vì Hợp đồng thế chấp số AC11/0015/HĐDB ngày 29/8/2011 đã được thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung kháng nghị:

- + Theo Đơn trình bày ngày 04/9/2019 thì ông T khẳng định không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CHO1483 ngày 13/8/2011 do Ủy ban nhân dân quận 8 cấp cho bà M1, nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về vấn đề này.

- + Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có mâu thuẫn và trái với quy định của pháp luật hiện hành;

- + Bản án sơ thẩm công nhận nhà, đất nêu trên cho bà M1, ông T và bà Hoàng M2, mỗi người được 1/3 bằng nhau theo “Giấy cam kết tự thỏa thuận” ngày 29/7/2010 là trái quy định của pháp luật, vì việc thỏa thuận này được lập

khi căn nhà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, nên vô hiệu tại thời điểm xác lập và nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

+ Trong hồ sơ tín dụng có “Giấy cam kết” ngày 26/8/2011 có nội dung ông T cam kết đây là tài sản riêng của bà M1, nên Bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 là gây thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M1, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M1 và Ngân hàng TMCP phát triển Việt Nam làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Ngọc M1, bà Huỳnh Hoàng M2, Công ty TNHH K có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về đơn khởi kiện bổ sung của ông T:

Ngày 26/9/2013 ông T làm đơn khởi kiện, đến ngày 25/6/2018 ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO1483 ngày 13/8/2011 do Ủy ban nhân dân quận 8 cấp cho bà M1. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận vì đơn khởi kiện bổ sung của ông T được gửi sau khi Tòa án ra Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên tại Đơn trình bày ngày 04/9/2019 ông T khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho bà M1 và cam kết không có khiếu nại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút một phần kháng nghị về phần này nên căn cứ vào điểm c

khoản 1 Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần này.

[4] Về áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình:

Căn cứ lời khai thống nhất của hai bên thì ông T và bà M1 chung sống với nhau từ tháng 6/1986, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 267, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận 8 cấp ngày 02/12/2010 thì quan hệ giữa ông T và bà M1 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và các điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tính thời điểm xác lập và thủ tục giải quyết là đúng quy định của pháp luật, không mâu thuẫn nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần này.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của ông T:

Theo lời khai của ông T và bà M1 thì cả hai chung sống từ tháng 6/1986 và đăng ký kết hôn vào năm 2010. Do đó, căn cứ vào Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, phường 15, quận 8 là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà M1.

Theo lời khai của ông T, bà M1 và bà Hoàng M2 thì trong thời gian chung sống ông T đã nhiều lần bỏ tiền và vay mượn thêm bạn bè để xây dựng, sửa chữa lại nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H và con gái của ông bà là bà Hoàng M2 lấy tiền đi dạy kèm hàng tháng để trả vào khoản nợ này, nên ngày 29/7/2010 ông T, bà M1 và bà Hoàng M2 đã tự nguyện làm “Giấy cam kết tự thỏa thuận” xác định nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, phường 15, quận 8 là tài sản chung của ba người, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu Rỡ và bà Cao Thị Huệ. Việc thỏa thuận này phù hợp với Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 215 Bộ luật dân sự năm 2005. Và cho đến nay cả ba người vẫn giữ nguyên ý kiến thỏa thuận nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà, đất số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố H là tài sản chung của ông T, bà M1 và bà Hoàng M2 và công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho mỗi người được 1/3 phần bằng nhau là có căn cứ đúng pháp luật. Ngoài ra “Giấy cam kết tự thỏa thuận” được lập ngày 29/7/2010 trước khi bà M1 ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng nên không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần này.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện thì ông T chỉ yêu cầu công nhận nhà, đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, Phường 15, Quận 8, Thành phố H là tài sản chung của ông T, bà M1 và bà Hoàng M2, mỗi người được 1/3 phần bằng nhau. Căn cứ theo lời khai của ông T, bà M1, bà Hoàng M2 khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia hiện vật như thế nào mà họ sẽ tự thỏa thuận việc phân chia hiện vật cụ thể. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Đối với việc thế chấp tài sản:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HM11/0015/AC ngày 29/8/2011 thì Ngân hàng có cho Công ty vay 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ 07/3/2012 đến 07/9/2012), lãi suất 20,8%/năm. Biện pháp bảo đảm là thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đ, Phường 15, Quận 8, Thành phố H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 được công chứng tại Văn phòng công chứng Tân Bình và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/8/2011.

Xét thấy, căn cứ theo lời khai của bà M1, ông T, bà Hoàng M2 thì khi bà M1 làm thủ tục thế chấp tài sản nêu trên tại Ngân hàng đã không thông báo cho ông T và bà Hoàng M2 biết; căn cứ theo lời khai của ông Ng thì “Giấy cam kết” ngày 26/8/2011 là do ông Ng mang về quê Quảng Ngãi đưa cho ông T ký vào hàng loạt giấy tờ rồi ông Ng mang nộp cho Ngân hàng; căn cứ theo lời khai của Ngân hàng thì “Giấy cam kết” ngày 26/8/2011 do ông Ng mang nộp cho Ngân hàng chứ ông T không mang nộp trực tiếp; các lời khai này phù hợp với lời khai của ông T là thời điểm đó ông T đang ở Quảng Ngãi, khi ông Ng đưa cho ông T ký rất nhiều giấy tờ cùng một lúc thì chỉ nói là do ông T lớn tuổi ký để xin trợ cấp tiền gò đó chứ không biết gì khác; căn cứ theo lời khai của Ngân hàng thì khi Ngân hàng tiến hành thẩm định hồ sơ thế chấp không biết ông T là chồng của bà M1, không biết rõ mối quan hệ hôn nhân của ông T và bà M1, không biết rõ những ai đang thực tế sinh sống tại nhà đất thế chấp nêu trên, vì vậy việc Ngân hàng không đưa ông T vào tham gia giao dịch hoặc yêu cầu ông T phải công chứng chứng thực đối với “Giấy cam kết” ngày 26/8/2011 và không thu thập ý kiến của bà Hoàng M2 là không đúng theo quy định tại Điều 31 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, căn cứ vào Điều 135 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu một phần đối với phần tài sản thế chấp liên quan đến ông T và bà Hoàng M2. Riêng phần tài sản thế chấp liên quan đến bà M1 thì khi xác lập giao dịch bà M1 hoàn toàn tự nguyện nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng là có căn cứ đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của bà M1 và kháng cáo của Ngân hàng về phần này.

Ngoài ra, theo Đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng ngày 14/4/2014, lời trình bày của đại diện Ngân hàng thì Ngân hàng chỉ yêu cầu công nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011, không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu vì đã nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH K tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng số HM11/0015/AC ngày 29/8/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ngày 29/8/2011 tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do các đương sự đều không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

[7] Về chi phí thẩm định giá:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông T, bà M, bà Hoàng M2 mỗi người phải chịu phần chi phí thẩm định giá tài sản là 3.266.666 đồng. Do bà M1 đã đóng tạm ứng chi phí thẩm định giá là 9.800.000 đồng, nên ông T và bà Hoàng M2 phải hoàn lại chi phí thẩm định giá cho bà M1.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vụ án này thụ lý vào ngày 15/10/2013 và xét xử sơ thẩm vào ngày 11/10/2018, nên căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì phải áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để giải quyết mới đúng.

Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông T, bà M1, bà Hoàng M2 mỗi người phải chịu án phí đối với giá trị phần tài sản được hưởng là 52.398.090 đồng. Tuy nhiên ông T và bà M1 đều là người cao tuổi nên được miễn án phí. Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí cho ông T là đúng, nhưng buộc bà M1 đóng án phí là không đúng theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu công nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ký ngày 29/8/2011. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần Hợp đồng thế chấp nêu trên đối với phần thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà M1, nhưng buộc Ngân hàng phải chịu án phí là không đúng.

Từ nhận định trên Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần áp dụng và tính án phí như trên.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên bà M1 và Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ Điều 31, Điều 38, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 135, Điều 215, Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1010/2018/HNGĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1.1. Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Huỳnh Quang T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1.

1.1.2. Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 29/8/14 Hồng chợ Bình Đông, Phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Ngọc M1 và bà Huỳnh Hoàng M2, mỗi người được hưởng 1/3 phần bằng nhau.

1.1.3. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số AC11/0015/HĐĐB ký ngày 29/8/2011 tại Phòng công chứng Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/11/2018 vô hiệu một phần đối với phần tài sản của ông Huỳnh Quang T và bà Huỳnh Hoàng M2. Phần tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc M1 thế chấp theo Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về chi phí thẩm định giá:

Ông Huỳnh Quang T và bà Huỳnh Hoàng M2 mỗi người phải trả ngay cho bà Nguyễn Thị Ngọc M1 chi phí thẩm định giá là 3.266.666 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

1.3. Về án phí:

1.3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Hoàng M2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.398.090 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2012/02985 ngày 06/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Ông Huỳnh Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/02206 ngày 04/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

1.3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0018363 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0018364 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị tại Quyết định số 60/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2018 của ông Huỳnh Quang T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- VKSND Quận 8;
- Chi Cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình